

## TUẦN 7

Họ & Tên: Phạm Nguyễn Phương Duy  
MSSV: 19110290

Sử dụng thuật toán Boyer-Moore Majority Vote

### Bài 1

```
1 def majority_element(arr):
2     n = len(arr)
3     count = [0] * 10 # Khởi tạo mảng count với kích thước 10
4     element = [None] * 10 # Khởi tạo mảng element với kích thước 10
5
6     for i in range(n):
7         j = 0
8         while j < 10:
9             if element[j] == arr[i]: # Nếu phần tử hiện tại xuất hiện trong mảng element
10                 count[j] += 1 # Tăng giá trị tương ứng trong mảng count lên 1
11                 break
12             elif count[j] == 0: # Nếu có vị trí nào trong mảng count có giá trị bằng 0
13                 element[j] = arr[i] # Gán giá trị của phần tử hiện tại vào vị trí tương ứng trong mảng element
14                 count[j] = 1 # Gán giá trị tương ứng trong mảng count bằng 1
15                 break
16             j += 1
17         else:
18             for k in range(10):
19                 count[k] -= 1 # Giảm giá trị của tất cả các phần tử trong mảng count đi 1
20
21     result = []
22     for i in range(10):
23         actual_count = sum(1 for x in arr if x == element[i]) # Tính số lần xuất hiện thực sự của phần tử trong mảng arr
24         if actual_count > n/10: # Nếu số lần xuất hiện này lớn hơn n/10
25             result.append(element[i]) # Thêm phần tử đó vào danh sách kết quả
26
27     return result
28
29 # Test
30 arr = [1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 1, 3, 6, 9]
31 result = majority_element(arr)
32 if len(result) == 0:
33     print("Không có phần tử lần chiếm cấp độ 10")
34 else:
35     print(f"Phần tử lần chiếm cấp độ 10: {result}")
```

Phần tử lần chiếm cấp độ 10: [1, 3, 6, 9]

2/ - Có thể có thuật toán có độ phức tạp  $O(n)$  để tìm ra phần tử "lần chiếm cấp độ 10" trong một mảng. Một ví dụ là thuật toán Boyer-Moore Majority Vote.

Thuật toán này cho phép tìm ra phần tử xuất hiện nhiều hơn  $n/2$  lần trong mảng với độ phức tạp  $O(n)$ . Ý tưởng cơ bản của thuật toán này là duyệt qua từng phần tử trong mảng và đếm số lần xuất hiện của một phần tử bằng cách sử dụng một biến đếm. Nếu phần tử tiếp theo trong mảng bằng với phần tử hiện tại, chúng ta tăng biến đếm lên 1. Nếu không, chúng ta giảm biến đếm đi 1. Nếu biến đếm bằng 0, chúng ta cập nhật phần tử hiện tại và gán biến đếm bằng 1.

## ▸ Bài 2

```
[27] 1 import random
      2
      3 def merge_arrays(A, B):
      4     # Khởi tạo kết quả
      5     result = []
      6
      7     # Khởi tạo chỉ số cho hai mảng
      8     i = j = 0
      9
     10     # Duyệt qua hai mảng và thêm phần tử nhỏ hơn vào kết quả
     11     while i < len(A) and j < len(B):
     12         if A[i] < B[j]:
     13             result.append(A[i])
     14             i += 1
     15         else:
     16             result.append(B[j])
     17             j += 1
     18
     19     # Thêm các phần tử còn lại của mảng A (nếu có)
     20     while i < len(A):
     21         result.append(A[i])
     22         i += 1
     23
     24     # Thêm các phần tử còn lại của mảng B (nếu có)
     25     while j < len(B):
     26         result.append(B[j])
     27         j += 1
     28
     29     return result
     30
     31 # Test
     32
     33 N = 10 # Số lượng phần tử trong mỗi mảng
     34 A = sorted([random.randint(1, 100) for _ in range(N)])
     35 B = sorted([random.randint(1, 100) for _ in range(N)])
     36
     37 print(f"Mảng A: {A}")
     38 print(f"Mảng B: {B}")
     39 print(f"Mảng được sắp xếp: {merge_arrays(A, B)}")
```

Mảng A: [20, 28, 29, 42, 51, 57, 62, 69, 96, 97]

Mảng B: [2, 8, 13, 22, 30, 37, 51, 75, 78, 83]

Mảng được sắp xếp: [2, 8, 13, 20, 22, 28, 29, 30, 37, 42, 51, 51, 57, 62, 69, 75, 78, 83, 96, 97]